

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỂU CẦN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2023/DSST

Ngày: 07/3/2023

V/v: “Tranh chấp hợp đồng
góp hui”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thạch Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Bửu Hòa

2. Ông Nguyễn Văn Bé

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thanh Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Danh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 03 năm 2023 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 3451/2021/TLST- DS ngày 13 tháng 5 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng góp hui. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2023/QĐXX-ST ngày 10 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Thạch Thị Na R, sinh năm: 1988; Địa chỉ: Ấp Ô Tr, xã Hiếu T, huyện Tiểu C, tỉnh T (Vắng mặt).

Người đại diện ủy quyền cho chị Thạch Thị Na R: Ông Nguyễn Tiến L, sinh năm 1956; Địa chỉ: số 38 Phan Đình Ph, khóm 2, phường 7, thành phố T, tỉnh T (Có mặt).

- Bị đơn: Chị Thạch Thị Sô Ph, sinh năm 1980 và Thạch H, sinh năm 1980; Địa chỉ: Ấp Ô T, xã Hiếu T, huyện Tiểu C, tỉnh T (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện quá trình tố tụng và tại phiên tòa ông Nguyễn Tiến L là đại diện ủy quyền cho chị Thạch Thị Na R trình bày: Chị Thạch Thị Na R có làm đầu thảo hui đây hui ngày 30/11/2019 loại hui 2.000.000 đồng sau đó nửa tháng khai một lần có 15 hui viên tham gia, trong đó vợ chồng anh Thạch H và chị Thạch Thị Sô Ph tham gia ở các dây hui

số 04; 06; 08; 09; 11; 12; 15; 16; 17; 18; 19; 20; 23 mỗi một dây hụi tham gia 01 phần, cụ thể số tiền hụi mà vợ chồng anh Thạch H và chị Thạch Thị Sô Ph đã bỏ thăm hụi:

Dây hụi số 04 bỏ thăm hụi ở lần khai thứ 06 số tiền bỏ thăm là 1.300.000 đồng nên hụi được số tiền là 15.700.000 đồng đã trừ huê hồng.

Dây hụi số 06 bỏ thăm hụi ở lần khai thứ 12 số tiền bỏ thăm là 1.140.000 đồng nên hụi được số tiền là 23.980.000 đồng đã trừ huê hồng.

Dây hụi số 08 bỏ thăm hụi ở lần khai thứ 05 số tiền bỏ thăm là 1.390.000 đồng nên hụi được số tiền là 13.500.000 đồng đã trừ huê hồng.

Dây hụi số 09 bỏ thăm hụi ở lần khai thứ 06 số tiền bỏ thăm là 1.260.000 đồng nên hụi được số tiền là 16.060. 000 đồng đã trừ huê hồng.

Dây hụi số 11 bỏ thăm hụi ở lần khai thứ 07 số tiền bỏ thăm là 1.230.000 đồng nên hụi được số tiền là 17.560. 000 đồng đã trừ huê hồng.

Dây hụi số 12 bỏ thăm hụi ở lần khai thứ 01 số tiền bỏ thăm là 600.000 đồng nên hụi được số tiền là 19.000. 000 đồng đã trừ huê hồng.

Dây hụi số 15 bỏ thăm hụi ở lần khai thứ 02 số tiền bỏ thăm là 1.230.000 đồng nên hụi được số tiền là 11.410.000 đồng đã trừ huê hồng.

Dây hụi số 16 bỏ thăm hụi ở lần khai thứ 03 số tiền bỏ thăm là 1.240.000 đồng nên hụi được số tiền là 12.520. 000 đồng đã trừ huê hồng.

Dây hụi số 17 bỏ thăm hụi ở lần khai thứ 09 số tiền bỏ thăm là 1.300.000 đồng nên hụi được số tiền là 19.600. 000 đồng đã trừ huê hồng.

Dây hụi số 18 bỏ thăm hụi ở lần khai thứ 09 số tiền bỏ thăm là 1.260.000 đồng nên hụi được số tiền là 19.840. 000 đồng đã trừ huê hồng.

Dây hụi số 19 bỏ thăm hụi ở lần khai thứ 07 số tiền bỏ thăm là 1.200.000 đồng nên hụi được số tiền là 17.800. 000 đồng đã trừ huê hồng.

Dây hụi số 20 bỏ thăm hụi ở lần khai thứ 10 số tiền bỏ thăm là 1.320.000 đồng nên hụi được số tiền là 20.800. 000 đồng đã trừ huê hồng.

Dây hụi số 23 bỏ thăm hụi ở lần khai thứ 06 số tiền bỏ thăm là 1.250.000 đồng nên hụi được số tiền là 22.400. 000 đồng đã trừ huê hồng

Sau khi bỏ thăm hụi thì anh Thạch H và chị Thạch Thị Sô Ph có đóng hụi chết cho chị Na R đến lần khai thứ 12; ở lần khai thứ 13; 14; 15 anh Thạch H và chị Thạch Thị Sô Ph không có đóng hụi chết cho chị Na R nên chị Na R đã choàng hụi thay cho anh Thạch H và chị Thạch Thị Sô Ph mỗi một dây hụi là 03 lần x 2.000.000 đồng x 13 dây = 78.000.000 đồng, nay chị Na R yêu cầu anh Thạch H và chị Thạch Thị Sô Ph phải có trách nhiệm hoàn trả số tiền hụi cho chị Na R bằng 78.000.000 đồng, chị Na R không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn anh Thạch H và chị Thạch Thị Sô Ph vắng mặt nên không có lời trình bày:

Ý kiến trình bày của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng nhiệm vụ, quyền hạn và

tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, riêng bị đơn chưa chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử

Áp dụng Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 243; Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 468 và Điều 471 bộ luật dân sự

Áp dụng Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

Áp dụng nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ quy định về họ, hui, biêu, phườg

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Thạch Thị Na R. Buộc anh Thạch H và chị Thạch Thị Sô Ph phải có trách nhiệm hoàn trả số tiền hụi cho chị Thạch Thị Na R là 42.000.000 đồng.

Về án phí đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định của pháp luật.

Các tài liệu chứng cứ tình tiết của vụ án:

Danh sách dây hụi ngày 30/11/2019 loại hụi 2.000.000 đồng nửa tháng khui một lần có 15 hụi viên tham gia (dây hụi số 04; 06; 08; 09; 11; 12; 15; 16; 17; 18; 19; 20; 23).

Biên bản ghi lời khai các thành viên góp hội mà chị Na R đã choàng thay.

Những tình tiết các bên thống nhất và những tình tiết các bên không thống nhất: Do bị đơn ông Thạch H và chị Thạch Thị Sô Ph vắng mặt từ khi thụ lý cho đến mở phiên tòa nên không xác định được các tình tiết nào các bên đã thống nhất và không thống nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng góp hui nguyên đơn và bị đơn đều có nơi cư trú trên địa bàn huyện Tiểu Cần nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần theo quy định của khoản 1 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Thạch H và bà Thạch Thị Sô Ph đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông Thạch H và bà Thạch Thị Sô Ph.

[2]. Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa ông Nguyễn Tiến L đại diện ủy quyền cho chị Thạch Thị Na R vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu ông Thạch H và bà Thạch Thị Sô Ph phải có trách nhiệm hoàn trả cho chị Na R số tiền hui mà chị Na R đã choàng hui thay cho anh Thạch H và chị Thạch Thị Sô Ph mỗi một dây hui là 03 lần x 2.000.000 đồng x 13 dây = 78.000.000 đồng.

Quá trình tố tụng Tòa án có tiến hành xác minh các thành viên tham gia góp hui mà chị Na R cho rằng chị đã choàng thay cho vợ chồng anh Thạch H và chị Thạch Thị Sô Ph thì có 21 hui viên xác nhận có bỏ thăm hót hui ở những lần khai cuối và chị Na R có giao tiền hui hót đầy đủ, một số hui viên thì không xác định được đã bỏ thăm hót hui ở dây hui mà chị Na R kiện anh Thạch H và chị Thạch Thị Sô Ph hay chưa do tham gia quá nhiều dây hui và cũng không có theo dõi sổ hui, một số hui viên thì không xác minh được do không có mặt tại thời điểm Tòa án xác minh. Vì vậy chỉ có cơ sở chấp nhận đối với 21 hui viên mà chị Na R đã choàng hui thay.

Từ những nhận định trên chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Thạch Thị Na R Chấp nhận lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên nguyên đơn phải chịu án phí đối với số tiền không được Tòa án chấp nhận, bị đơn phải chịu án phí đối với số tiền được Tòa án chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí, buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 243; Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 468 và Điều 471 bộ luật dân sự;

Áp dụng Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hui, biên, phường;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Thạch Thị Na R. Buộc anh Thạch H và chị Thạch Thị Sô Ph phải hoàn trả cho chị Thạch Thị Na R 42.000.000 đồng số tiền hui của dây hui ngày 30/11/2019 loại hui 2.000.000 đồng nửa tháng khai một lần có 15 hui viên do chị Thạch Thị Na R làm đầu thảo.

3. Kể từ ngày chị Thạch Thị Na R có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng anh Thạch H và chị Thạch Thị Sô Ph còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Về Án phí dân sự: Chị Thạch Thị Na R phải chịu 1.800.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 975.000 đồng biên lai thu tiền 0002448 ngày 28 tháng 4 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh, chị Thạch Thị Na R còn phải nộp tiếp số tiền 825.000 đồng

Anh Thạch H và chị Thạch Thị Sô Ph phải chịu 2.100.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự thì người, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thạch Thị Thu Hiền

